

Số: 01/QĐ-LT/QLCL

Ninh Hòa, ngày 03 tháng 06 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC BAN HÀNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CHO PHÒNG
THÍ NGHIỆM

----o0o----

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2005;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm Định Xây Dựng Long Thuận;
- Căn cứ yêu cầu tổ chức của Công ty TNHH Kiểm Định Xây Dựng Long Thuận;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Hệ thống quản lý chất lượng theo quy trình ISO/IEC17025 cho Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình trực thuộc Công ty TNHH Kiểm Định Xây Dựng Long Thuận. Nội dung Sổ tay chất lượng đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trưởng phòng Thí nghiệm VLXD và Kiểm định CLCT và các cán bộ, công nhân viên của phòng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN

GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ THANH MAI

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐÃ ĐƯỢC LÃNH ĐẠO PHÊ DUYỆT

A. TÀI LIỆU NỘI BỘ

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành	Số lượng	lần sửa đổi			
					1	2	3	4
0	Sổ tay chất lượng	ST. LT	1	18				
1	Kiểm soát tài liệu	TT 01	1	18				
	1	Phiếu yêu cầu soạn thảo/sửa đổi tài liệu	BM 01.01	1	18			
	2	Phiếu góp ý tài liệu	BM 01.02	1	18			
	3	Phiếu phân phối tài liệu	BM 01.03	1	18			
	4	Danh mục tài liệu kiểm soát	BM 01.04	1	18			
	5	Phiếu huỷ tài liệu	BM 01.05	1	18			
	6	Phiếu mượn tài liệu	BM 01.06	1	18			
2	Xem xét các yêu cầu, đề nghị và hợp đồng	TT 02	1	18				
	7	Hợp đồng	BM 02.01	1	18			
	8	Phiếu nhận thử nghiệm	BM 02.02	1	18			
3	Sử dụng nhà thầu phụ thử nghiệm	TT 03	1	18				
	9	Danh sách nhà thầu phụ	BM 03.01	1	18			
	10	Phiếu theo dõi đánh giá nhà thầu phụ	BM 03.02	1	18			
4	Mua dịch vụ và đồ cung cấp	TT 04	1	18				
	11	Danh sách các nhà cung cấp	BM 04.01	1	18			
	12	Phiếu theo dõi nhà cung cấp	BM 04.02	1	18			
	13	Đề nghị mua vật tư, hóa chất, thiết bị	BM 04.03	1	18			
	14	Biên bản giao nhận, kiểm tra vật tư, thiết bị	BM 04.04	1	18			

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành	Số lượng	lần sửa đổi			
					1	2	3	4
5	Thủ tục giải quyết phàn nàn	TT 05	1	18				
	15	Số theo dõi phàn nàn	BM 05.01	1	18			
	16	Phiếu thu thập ý kiến khách hàng	BM 05.02	1	18			
6	Thủ tục kiểm soát công việc không phù hợp	TT 06	1	18				
	17	Số theo dõi công việc không phù hợp	BM 06.01	1	18			
7	Hành động khắc phục, phòng ngừa	TT 07	1	18				
	18	Phiếu yêu cầu hành động khắc phục	BM 07.01	1	18			
	19	Số theo dõi thực hiện hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến	BM 07.02	1	18			
8	Kiểm soát hồ sơ	TT 08	1	18				
	20	Danh sách hồ sơ	BM 08.01	1	18			
	21	Biên bản bàn giao hồ sơ	BM 08.02	1	18			
9	Kiểm soát tuyển dụng và đào tạo nội bộ	TT 09	1	18				
	22	Theo dõi quá trình công tác/ đào tạo của nhân viên.	BM 09.01	1	18			
	23	Phiếu phân công nhiệm vụ.	BM 09.02	1	18			
	24	Đề nghị đào tạo.	BM 09.03	1	18			
	25	Kế hoạch tuyển dụng và đào tạo.	BM 09.04	1	18			
	26	Đánh giá kết quả đào tạo.	BM 09.05	1	18			
10	Xem xét của lãnh đạo	TT 10	1	18				
	27	Chương trình xem xét của lãnh đạo	BM 10.01	1	18			
	28	Biên bản cuộc họp xem xét của lãnh đạo	BM 10.02	1	18			
11	Thủ tục quản lý nhân sự	TT 11	1	18				
	29	Phiếu theo dõi nhân sự.	BM 11.01	1	18			
	30	Phiếu phân công nhiệm vụ	BM 11.02	1	18			

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành	Số lượng	lần sửa đổi				
					1	2	3	4	
	31	Kế hoạch đào tạo hàng năm	BM 11.03	1	18				
	32	Đánh giá kết quả đào tạo	BM 11.04	1	18				
	33	Phiếu báo cáo công việc hàng ngày	BM 11.05	1	18				
12		Thủ tục lựa chọn và xác nhận giá trị sử dụng phương pháp	TT 12	1	18				
	34	Kế hoạch xác nhận giá trị sử dụng phương pháp	BM 12.01	1	18				
	35	Đánh giá các điều kiện cơ bản của phương pháp	BM 12.02	1	18				
	36	Quyết định áp dụng phương pháp thử	BM 12.03	1	18				
13		Kiểm soát thiết bị, chuẩn	TT 13	1	18				
	37	Danh sách thiết bị	BM 13.01	1	18				
	38	Ký mã hiệu thiết bị	BM 13.02	1	18				
	39	Kiểm soát sử dụng thiết bị	BM 13.03	1	18				
	40	Kế hoạch hiệu chuẩn, bảo trì, kiểm tra thiết bị	BM 13.04	1	18				
	41	Phiếu bàn giao thiết bị	BM 13.05	1	18				
14		Lấy mẫu	TT 14	1	18				
	42	Biên bản lấy mẫu hiện trường	BM 14.01	1	18				
15		Quản lý mẫu	TT 15	1	18				
	43	Sổ nhận mẫu và trả kết quả	BM 15.01	1	18				
	44	Phiếu thanh lý mẫu	BM 15.02	1	18				
16		Thủ tục đảm bảo chất lượng kết quả thử nghiệm/hiệu chuẩn	TT 16	1	18				
	45	Kế hoạch đảm bảo chất lượng thí nghiệm	BM 16.01	1	18				
	46	Báo cáo đánh giá kết quả chương trình đảm bảo chất lượng kết quả thí nghiệm	BM 16.02	1	18				
17		Thủ tục báo cáo kết quả thử nghiệm	TT 17	1	18				

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành	Số lượng	lần sửa đổi			
					1	2	3	4
47	Biên bản thử nghiệm	BM 17.01	1	18				
48	Phiếu kết quả thử nghiệm	BM 17.02	1	18				
49	Biên bản trả kết quả, hồ sơ	BM 17.03	1	18				
50	Biên bản thí nghiệm tổng hợp các chỉ tiêu cơ lý xi măng	BM 17.01-2	1	18				
51	Biên bản thí nghiệm chứng kiến kiểm tra cường độ xi măng	BM 17.01-2	1	18				
52	Biên bản thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý cát	BM 17.01-3	1	18				
53	Biên bản thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý đá	BM 17.01-4	1	18				
54	Biên bản thí nghiệm thiết kế thành phần cấp phối bê tông và chứng kiến kiểm tra cường độ bê tông	BM 17.01-5	1	18				
55	Biên bản thí nghiệm thiết kế thành phần cấp phối vữa và chứng kiến kiểm tra cường độ vữa	BM 17.01-6	1	18				
56	Biên bản thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý thép thanh	BM 17.01-9	1	18				
57	Biên bản thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý thép hình	BM 17.01-10	1	18				
58	Biên bản thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý bu lông	BM 17.01-11	1	18				
59	Biên bản thí nghiệm cơ lý thành phần hạt đất	BM 17.01-14	1	18				
60	Biên bản thí nghiệm Đầm nén tiêu chuẩn đất	BM 17.01-15	1	18				
61	Biên bản chứng kiến thí nghiệm chỉ số dẻo đất	BM 17.01-16	1	18				
62	Biên bản chứng kiến thí nghiệm CBR đất	BM 17.01-17	1	18				
63	Biên bản thí nghiệm đo độ chặt K (rót cát) hiện trường	BM 17.01-18	1	18				
64	Biên bản thí nghiệm cơ lý thành phần hạt cát đắp	BM 17.01-20	1	18				
65	Biên bản thí nghiệm Đầm nén tiêu chuẩn cát đắp	BM 17.01-21	1	18				
66	Biên bản thí nghiệm đo độ chặt K (dao vòng) hiện trường	BM 17.01-22	1	18				

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành	Số lượng	lần sửa đổi			
					1	2	3	4
67	Biên bản thí nghiệm kiểm tra cường độ đá học, đá chẻ	BM 17.01-23	1	18				
68	Biên bản thí nghiệm kiểm tra cường độ đá Granit	BM 17.01-24	1	18				
69	Biên bản thí nghiệm kiểm tra cường độ gạch Block thẻ đặc	BM 17.01-25	1	18				
70	Biên bản thí nghiệm kiểm tra cường độ gạch Block rỗng	BM 17.01-26	1	18				
71	Biên bản thí nghiệm kiểm tra cường độ gạch thẻ đặc đất nung	BM 17.01-27	1	18				
72	Biên bản thí nghiệm kiểm tra cường độ gạch thẻ rỗng đất nung	BM 17.01-28	1	18				
73	Biên bản thí nghiệm đo điện trở tiếp địa	BM 17.01-29	1	18				
74	Biên bản thí nghiệm thành phần hạt cấp phối đá dăm	BM 17.01-31	1	18				
75	Biên bản thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn cấp phối đá dăm	BM 17.01-32	1	18				
76	Biên bản thí nghiệm chỉ số dẻo cấp phối đá dăm	BM 17.01-33	1	18				
77	Biên bản thí nghiệm (LA) cấp phối đá dăm	BM 17.01-34	1	18				
78	Biên bản thí nghiệm CBR Cấp phối đá dăm	BM 17.01-35	1	18				
79	Biên bản thí nghiệm nén mẫu bê tông lập phương 15x15(cm), mẫu trụ 15x30(cm)	BM 17.01-36	1	18				
80	Biên bản thí nghiệm nén mẫu vữa 7.07x7.07x7.07(cm); hoặc khuôn 40x40x160(cm)	BM 17.01-37	1	18				
81	Biên bản thí nghiệm kiểm tra cường độ mẫu khoan rút loại bê tông	BM 17.01-38	1	18				
82	Biên bản thí nghiệm đo mô đun đàn hồi	BM 17.01-39	1	18				
83	Biên bản thí nghiệm Gạch Terrazo	BM 17.01-40	1	18				
84	Thông tin tờ bia kết quả thí nghiệm đầu vào xi măng, cát,...	BM 17.02-1	1	18				
85	Kết quả thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý xi măng	BM 17.02-2	1	18				

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành	Số lượng	lần sửa đổi			
					1	2	3	4
86	Kết quả thí nghiệm kiểm tra cường độ xi măng	BM 17.02-2	1	18				
87	Kết quả thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý cát	BM 17.02-3	1	18				
88	Kết quả thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý đá	BM 17.02-4	1	18				
89	Kết quả thí nghiệm thiết kế thành phần cấp phối bê tông và chứng kiến kiểm tra cường độ bê tông	BM 17.02-5	1	18				
90	Kết quả thí nghiệm thiết kế thành phần cấp phối vữa và chứng kiến kiểm tra cường độ vữa	BM 17.02-6	1	18				
91	Thông tin tờ bìa kết quả thí nghiệm đầu vào thép	BM 17.02-7	1	18				
92	Bảng tổng hợp kết quả thí nghiệm thép thanh	BM 17.02-8	1	18				
93	Kết quả thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý thép thanh	BM 17.02-9	1	18				
94	Kết quả thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý thép hình	BM 17.02-10	1	18				
95	Kết quả thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý bu lông	BM 17.02-11	1	18				
96	Thông tin tờ bìa kết quả thí nghiệm đầu vào đất	BM 17.02-12	1	18				
97	Bảng tổng hợp kết quả thí nghiệm đất	BM 17.02-13	1	18				
98	Kết quả thí nghiệm cơ lý thành phần hạt đất	BM 17.02-14	1	18				
99	Kết quả thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn đất	BM 17.02-15	1	18				
100	Kết quả thí nghiệm chỉ số dẻo đất	BM 17.02-16	1	18				
101	Kết quả thí nghiệm CBR đất	BM 17.02-17	1	18				
102	Kết quả thí nghiệm đo độ chặt K (rót cát) hiện trường	BM 17.02-18	1	18				
103	Thông tin tờ bìa kết quả thí nghiệm đầu vào cát đắp	BM 17.02-19	1	18				
104	Kết quả thí nghiệm cơ lý thành phần hạt cát đắp	BM 17.02-20	1	18				
105	Kết quả thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn cát đắp	BM 17.02-21	1	18				

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành	Số lượng	lần sửa đổi			
					1	2	3	4
106	Kết quả thí nghiệm đo độ chặt K (dao vòng) hiện trường	BM 17.02-22	1	18				
107	Kết quả thí nghiệm kiểm tra cường độ đá học, đá chẻ	BM 17.02-23	1	18				
108	Kết quả thí nghiệm kiểm tra cường độ đá Granit	BM 17.02-24	1	18				
109	Kết quả thí nghiệm kiểm tra cường độ gạch Block thẻ đặc	BM 17.02-25	1	18				
110	Kết quả thí nghiệm kiểm tra cường độ gạch Block rỗng	BM 17.02-26	1	18				
111	Kết quả thí nghiệm kiểm tra cường độ gạch thẻ đặc đất nung	BM 17.02-27	1	18				
112	Kết quả thí nghiệm kiểm tra cường độ gạch thẻ rỗng đất nung	BM 17.02-28	1	18				
113	Kết quả thí nghiệm đo điện trở tiếp địa	BM 17.02-29	1	18				
114	Thông tin tờ bìa kết quả thí nghiệm đầu vào cấp phối đá dăm	BM 17.02-12	1	18				
115	Bảng tổng hợp kết quả thí nghiệm cấp phối đá dăm	BM 17.02-30	1	18				
116	Kết quả thí nghiệm thành phần hạt cấp phối đá dăm	BM 17.02-31	1	18				
117	Kết quả thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn cấp phối đá dăm	BM 17.02-32	1	18				
118	Kết quả thí nghiệm hạt chảy dẻo cấp phối đá dăm	BM 17.02-33	1	18				
119	Kết quả thí nghiệm LA cấp phối đá dăm	BM 17.02-34	1	18				
120	Kết quả thí nghiệm CBR cấp phối đá dăm	BM 17.02-35	1	18				
121	Kết quả thí nghiệm nén mẫu bê tông lập phương 15x15(cm), mẫu trụ 15x30(cm)	BM 17.02-36	1	18				
122	Kết quả thí nghiệm nén mẫu vữa 7.07x7.07x7.07(cm); hoặc khuôn 40x40x160(cm)	BM 17.02-37	1	18				
123	Kết quả thí nghiệm kiểm tra cường độ mẫu khoan rút loại bê tông	BM 17.02-38	1	18				
124	Kết quả thí nghiệm đo mô đun đàn hồi	BM 17.02-39	1	18				

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành	Số lượng	lần sửa đổi				
					1	2	3	4	
	125	Kết quả thí nghiệm Gạch Terrazo	BM 17.02-40	1	18				
	126	Kết quả thí nghiệm bê tông nhựa	BM 17.02-41	1	18				
18		Thủ tục Bảo mật thông tin	TT 18	1	18				
	127	Cam kết bảo mật	BM 18.01	1	18				
19		Thủ tục kiểm soát các điều kiện tiện nghi và môi trường	TT 19	1	18				
	128	Phiếu theo dõi các điều kiện môi trường trong quá trình thử nghiệm	BM 19.01	1	18				
	129	Sổ theo dõi sự không phù hợp về các điều kiện tiện nghi và môi trường	BM 19.02	1	18				
20		Thủ tục ước lượng độ không đảm bảo đo	TT 20	1	18				
21		Quy trình so sánh liên phòng	TT21	1	18				
	130	Phiếu đánh giá lựa chọn phòng thử nghiệm	BM21.01	1	18				
	131	Phiếu đề xuất thử nghiệm so sánh liên phòng/ tham gia chương trình thử nghiệm thành thạo	BM21.02	1	18				
	132	Phiếu đánh giá kết quả so sánh liên phòng/ chương trình thử nghiệm thành thạo	BM21.03	1	18				
	133	Sổ theo dõi so sánh liên phòng	BM21.04	1	18				

CÁC HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP THỬ

TT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành	Số lượng	lần sửa đổi				
					1	2	3	4	
1	1	Hướng dẫn lấy độ sụt của bê tông theo TCVN	HD 12.01	1	18				
	2	Hướng dẫn lấy mẫu và chế tạo mẫu thử 15x15x15(cm) TCVN	HD 12.02	1	18				
	3	Hướng dẫn lấy mẫu và chế tạo mẫu thử (DxH) 15x30(cm) ASTM	HD 12.03	1	18				
	4	Hướng dẫn nén mẫu bê tông theo ASTM C39	HD 12.04	1	18				
	5	Hướng dẫn lấy mẫu tại hiện trường	HD 14.01	1	18				
	6	Hướng dẫn tiếp nhận và quản lý mẫu thử	HD 15.01	1	18				

CÁC HƯỚNG DẪN KIỂM SOÁT THIẾT BỊ

1	1	Hướng dẫn sử dụng máy nén bê tông TYA-2000	HD 13.01	1	18				
	2	Hướng dẫn sử dụng máy tu sấy HN101	HD 13.02	1	18				
	3	Hướng dẫn sử dụng máy kéo thép WEB 1000	HD 13.03	1	18				
	4	Hướng dẫn sử dụng thiết bị cân điện tử BC30	HD 13.04	1	18				
	5	Hướng dẫn sử dụng thiết bị cân điện tử PA 4102	HD 13.05	1	18				

Ngày tháng năm

CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN**GIÁM ĐỐC****LÊ THỊ THANH MAI**

B. TÀI LIỆU BÊN NGOÀI

TT	Tên tài liệu	Nguồn gốc/ đơn vị ban hành / ký hiệu	Năm ban hành	Số lượng
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605: 2023	2023	18
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, tính ổn định thể tích	TCVN 6017: 2015	2015	18
	Xác định độ bền uốn và nén	TCVN 6016: 2011	2011	18
2	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106: 2022	2022	18
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 1993	1993	18
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 2022	2022	18
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 2022	2022	18
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022	2022	18
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 2022	2022	18
	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116: 2022	2022	18
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 2022	2022	18
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119: 2022	2022	18
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120: 2022	2022	18
	Xác định cường độ lắng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	2022	18
	Xác định độ pH	TCVN9339:2012	2012	18
3	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2: 2006	2006	18
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu có kích thước nhỏ hơn 40 mm	TCVN 7572-4: 2006	2006	18
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn có kích thước lớn hơn 40 mm	TCVN7572-5: 2006	2006	18
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN7572-6: 2006	2006	18
	Xác định độ ẩm	TCVN7572-7: 2006	2006	18
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ.	TCVN7572-8: 2006	2006	18
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN7572-9: 2006	2006	18

	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN7572-10: 2006	2006	18
	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN7572-11: 2006	2006	18
	Xác định độ hao mòn của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles.	TCVN7572-12: 2006	2006	18
	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13: 2006	2006	18
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN7572-17: 2006	2006	18
	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN7572-18: 2006	2006	18
	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN7572-20: 2006	2006	18
	Xác định chỉ số tương đương cát (ES)	ASTM D2419	1995	18
	Xác định góc nghiêng tự nhiên của cát	ASTM D1883 AASHTO T191		18
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195: 2012	2012	18
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196: 2012	2012	18
	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197: 2012	2012	18
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198: 2014	2014	18
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199: 1995	1995	18
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200: 2012	2012	18
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 2012	2012	18
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202: 2012	2012	18
	Đảm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 333:2006	2006	18
	Thí nghiệm CBR của đất, đá dăm trong phòng TN	22 TCN 332: 2006	2006	18
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ có trong đất bằng phương pháp đốt	AASHTO T267	1986	18
	Xác định góc nghiêng tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	2012	18
5	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH			
	Xác định thành phần cấp phối hạt của vật liệu	22TCN 57:1984	1984	18
	Khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm tốt nhất	22TCN 59:1984	1984	18
	Đảm nén chặt đất gia cố bằng chất kết dính	22TCN 59:1984	1984	18
	Xác định cường độ kháng ép đất gia cố bằng chất kết dính	TCVN 9906:2014	2014	18

	Xác định môđun biến dạng đất gia cố bằng chất kết dính	22TCN 59:1984	1984	18
	Xác định môđun đàn hồi đá gia cố chất kết dính vô cơ	TCVN 9843:2013	2013	18
	Xác định cường độ ép chẻ của VL hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011	2011	18
6	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN			
	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2014	2014	18
	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198: 2008	2008	18
	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401: 2010	2010	18
	Thử phá huỷ mối hàn kim loại- thử kéo ngang	TCVN 8310: 2010	2010	18
	Thử phá huỷ mối hàn kim loại- thử kéo dọc	TCVN 8311: 2010	2010	18
	Thử kéo bu lông, đai ốc; thử cấp dự ứng lực	TCVN 1916:1995 TCVN 197-1:2014 ASTM A370; JIS Z2241	1995	18
7	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA			
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	2011	18
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011 (AASHTOT164-94 ASTM D2172-95)	2011	18
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	2011	18
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	2011	18
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	2011	18
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	2011	18
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	2011	18
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	2011	18
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	2011	18
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	2011	18
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	2011	18
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	2011	18
8	THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM			
	Xác định độ kim lún ở 25°C; Chỉ số kim lún PI – T27/2014/TT-BGTVT	TCVN 7495:2005 (ASTM D 5 – 97)	2005	18
	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496 : 2005 ASTM D 113 - 99	2005	18
	Xác định điểm hoá mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497 : 2005 ASTM D 36 - 00	2005	18
	Xác định điểm chớp cháy và điểm	TCVN 7498 : 2005	2005	18

	cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	ASTM D 92 - 02b		
	Xác định lượng tổn thất khi gia nhiệt	TCVN 7499 : 2005 ASTM D 6 - 00	2005	18
	Xác định độ hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500 : 2005 ASTM D 2042 - 01	2005	18
	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501 : 2005 ;ASTM D 70 - 03	2005	18
	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005	2005	18
9	THỦ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA			
	Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, Hàm lượng nước, Khối lượng riêng, Khối lượng thể tích và độ rỗng dư, Hệ số háo nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước và độ rỗng bột khoáng chất, Xác định KLR của bột khoáng chất và nhựa đường; Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường, Chỉ số hàm lượng nhựa, Độ ẩm, Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	2020	18
10	THỦ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012	2012	18
	Xác định độ chặt của đất đắp sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012	2012	18
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đại	22TCN 02:1971	1971	18
	Độ ẩm, khối lượng thể tích (dung trọng) của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346: 2006	2006	18
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864 : 2011	2011	18
	Xác định mô đun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861 : 2011	2011	18
	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867 : 2011	2011	18
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866 : 2011	2011	18
	Thí nghiệm xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354 : 2012	2012	18
	Kiểm tra điện trở tiếp đất	TCVN 9385 : 2012	2012	18
	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM D4429-92 TCVN 8821:2011	2011	18

11	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BENTONNIT			
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 11893:2017	2017	18
	Độ nhớt phễu Marsh	TCVN 11893:2017	2017	18
	Độ pH	TCVN 11893:2017	2017	18
	Xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017	2017	18
12	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG			
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 2022	2022	18
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022	2022	18
	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022	2022	18
	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9: 2022	2022	18
	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10: 2022	2022	18
	Xác định cường độ nén và uốn của vữa	TCVN 3121-11: 2022	2022	18
	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18: 2022	2022	18
13	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ			
	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2017	2017	18
	Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt	TCVN 9030:2017	2017	18
	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017	2017	18
	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017	2017	18
	Xác định độ co khô	TCVN 9030:2017	2017	18
	Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017	2017	18
14	THỬ NGHIỆM VỮA CHO BÊ TÔNG NHẹ			
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 9028:2011	2011	18
	Xác định độ lưu động	TCVN 9028:2011	2011	18
	Xác định thời gian bắt đầu đông kết	TCVN 9028:2011	2011	18
	Xác định thời gian điều chỉnh	TCVN 9028:2011	2011	18
	Xác định cường độ nén	TCVN 9028:2011	2011	18
	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn	TCVN 9028:2011	2011	18
15	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY			
	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1: 2009	2009	18
	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2: 2009	2009	18
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3: 2009	2009	18

	Xác định độ hút nước	TCVN6355-4: 2009	2009	18
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN6355-5: 2009	2009	18
	Xác định độ rỗng	TCVN6355-6: 2009	2009	18
16	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY BLOCK BÊ TÔNG			
	Xác định kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477: 2016	2016	18
	Xác định cường độ nén	TCVN 6477: 2016	2016	18
	Xác định độ rỗng	TCVN 6477: 2016	2016	18
	Xác định độ hút nước	TCVN 6477: 2016	2016	18
	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477: 2016	2016	18
17	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476 : 1999	1999	18
	Xác định cường độ nén	TCVN 6476 : 1999	1999	18
	Xác định độ hút nước	TCVN 6476 : 1999	1999	18
18	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERRAZZO			
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744 : 2013	2013	18
	Kiểm tra cường độ bền uốn	TCVN 7744 : 2013	2013	18
	Kiểm tra độ hút nước	TCVN 7744 : 2013	2013	18
19	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN			
	Xác định kích thước, hình dáng, khuyết tật, độ vuông góc, độ phẳng	TCVN 4732:2016	2016	18
	Xác định độ hút nước	TCVN 4732:2016	2016	18
	Xác định độ bền uốn	TCVN 4732:2016	2016	18
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4732:2016	2016	18



CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUAN
PHÒNG THÍ NGHIỆM VLXD & KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH (LAS-XD924)

Địa điểm : Tổ Dân Phố 14, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại : 0914845049

Email: longthuanlasxd924@gmail.com

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU BIÊN BẢN, KẾT QUẢ (LT)

TT	Các nội dung	Mã hiệu	
		BB nhận mẫu	Ghi chú
1	Phiếu nhận mẫu/ yêu cầu thử nghiệm	BM 02.02	
2	Biên bản lấy mẫu hiện trường	BM 14.01-1	
3	Bảng lệ phí chi tiết	BMLPTN	
4	Bảng tổng hợp doanh thu thí nghiệm	BMDTTN	
5	Xi măng, cát, đá, cấp phối bê tông, cấp phối vữa	BB chứng kiến	Kết quả TN
	Thông tin tờ bia		BM17.02-1
	Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý xi măng	BM17.01-2	BM17.02-2
	Thí nghiệm kiểm tra cường độ xi măng	BM17.01-2	BM17.02-2
	Thí nghiệm cơ lý cát	BM17.01-3	BM17.02-3
	Thí nghiệm cơ lý đá	BM17.01-4	BM17.02-4
	Thiết kế thành phần cấp phối bê tông, kiểm tra cường độ	BM17.01-5	BM17.02-5
	Thiết kế thành phần cấp phối vữa, kiểm tra cường độ	BM17.01-6	BM17.02-6
6	Thép thanh, thép hình		
	Thông tin tờ bia thép		BM17.02-7
	Bảng tổng hợp thép		BM17.02-8
	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý kéo, uốn thép thanh	BM17.01-9	BM17.02-9
	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý kéo, uốn thép hình	BM17.01-10	BM17.02-10
7	Bu lông		
	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý kéo bu lông	BM17.01-11	BM17.02-11
8	Đất đắp		
	Thông tin tờ bia đất đắp		BM17.02-12
	Bảng tổng hợp đất đắp		BM17.02-13
	Thí nghiệm cơ lý thành phần hạt đất	BM17.01-14	BM17.02-14
	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn đất	BM17.01-15	BM17.02-15
	Thí nghiệm chỉ số dẻo đất	BM17.01-16	BM17.02-16
	Thí nghiệm CBR đất	BM17.01-17	BM17.02-17
	Thí nghiệm đo K (PP rút cát)	BM17.01-18	BM17.02-18
9	Cát đắp		
	Thông tin tờ bia cát đắp		BM17.02-19
	Thí nghiệm cơ lý thành phần hạt cát đắp	BM17.01-20	BM17.02-20
	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn cát đắp	BM17.01-21	BM17.02-21
	Thí nghiệm đo K (PP dao vòng)	BM17.01-22	BM17.02-22
10	Đá học, đá chẻ, đá Granit		
	Thí nghiệm kiểm tra tính chất cơ lý, cường độ nén của đá học, đá chẻ,...	BM17.01-23	BM17.02-23
	Thí nghiệm kiểm tra tính chất cơ lý, cường độ nén của đá Granit	BM17.01-24	BM17.02-24
11	Gạch Block không nung		
	Thí nghiệm kiểm tra tính chất cơ lý, cường độ nén, uốn,... của gạch Block thẻ đặc	BM17.01-25	BM17.02-25
	Thí nghiệm kiểm tra tính chất cơ lý, cường độ nén, uốn,... của gạch Block rỗng	BM17.01-26	BM17.02-26
12	Gạch đất nung		
	Thí nghiệm kiểm tra tính chất cơ lý, cường độ nén, uốn,... của gạch thẻ đặc đất nung	BM17.01-27	BM17.02-27



	Thí nghiệm kiểm tra tính chất cơ lý, cường độ nén, uốn,... của gạch rỗng đất nung	BM17.01-28	BM17.02-28
13	Gạch Terrazo		
	Thí nghiệm kiểm tra tính chất cơ lý, cường độ nén, uốn,...	BM17.01-40	BM17.02-40
14	Đo điện trở nổi đất		
	Kiểm tra hệ thống tiếp địa nổi đất	BM17.01-29	BM17.02-29
15	Cấp phối đá dăm		
	Thông tin tờ bì CPĐD		BM17.02-12
	Bảng tổng hợp CPĐD		BM17.02-30
	Thí nghiệm cơ lý thành phần hạt CPĐD	BM17.01-31	BM17.02-31
	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn CPĐD	BM17.01-32	BM17.02-32
	Thí nghiệm chỉ số dẻo CPĐD	BM17.01-33	BM17.02-33
	Thí nghiệm LA	BM17.01-34	BM17.02-34
	Thí nghiệm CBR CPĐD	BM17.01-35	BM17.02-35
16	Bê tông, vữa		
	Kiểm tra cường độ bê tông khuôn mẫu lập phương 15 x 15 x 15 (cm), mẫu trụ 15 x 30 (cm).	BM17.01-36	BM17.02-36
	Kiểm tra cường độ vữa khuôn mẫu 7,07x7,07x7,07(cm)	BM17.01-37	BM17.02-37
	Kiểm tra cường độ mẫu khoan rút lõi bê tông	BM17.01-38	BM17.02-38
17	Đo mô đun đàn hồi		
	Thí nghiệm đo mô đun đàn hồi	BM17.01-39	BM17.02-39

Ban hành 20/05/2019

Ghi chú:

Tất cả các BBCK, KQTN phải được thống nhất theo 1 biểu mẫu chung, (trừ trường hợp có yêu cầu riêng)

Dùng font chữ "Time New Roman", Cỡ chữ 11, 12 theo biểu mẫu.

Các trường hợp khác phải báo cáo và được thống nhất trước khi sử dụng

Các PTN hiện trường" phần KQTN ghi số phiếu bình thường, chỉ thay đổi TT => BR, BD, TTH..... đặt tên theo tỉnh, thành phố (VD: Số:...../LAS-XD924/TT)

CÔNG TY TNHH KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG LONG THUẬN



GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thanh Mai

